Trao quyền, tăng thu nhập, chấp nhận rủi ro: Chính sách mới mở không gian lớn cho nhà khoa học

Cuối năm 2025 và bước sang 2026, hàng loạt chính sách lớn trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chính thức có hiệu lực, tạo ra thay đổi sâu rộng đối với đội ngũ nhà khoa học. Từ cơ chế tiền lương, phân bổ ngân sách đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khung chính sách mới được thiết kế theo hướng trao quyền mạnh hơn, tăng đãi ngộ và giảm rào cản hành chính - những vấn đề từng được xem là điểm nghẽn của hệ thống nghiên cứu công lập.



Lương không còn "trần", thu nhập gắn với hiệu quả

Một thay đổi đáng chú ý là cơ chế tiền lương tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Theo Nghị định 263, các tổ chức được trao quyền tự chủ về tiền lương và thu nhập trên cơ sở quy chế nội bộ công khai, dân chủ. Thu nhập của nhà khoa học gồm lương cơ bản, lương tự chủ, thu nhập tăng thêm và phần hưởng từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Đáng chú ý, quy định mới xóa bỏ giới hạn "trần lương" vốn từng khống chế thu nhập ở mức gấp hai, ba lần lương nhà nước. Tổ chức được sử dụng nguồn thu hợp pháp để chi trả, đồng thời chuyển cách tính lương từ "ngạch, bậc" sang dựa trên vị trí việc làm, nhiệm vụ và hiệu quả công việc. Thu nhập vì thế gắn trực tiếp với kết quả nghiên cứu thay vì thâm niên.

Đãi ngộ vượt khung để thu hút nhân tài

Chính sách mới cũng mở rộng quyền tự chủ trong tuyển dụng, sử dụng nhân lực. Các tổ chức khoa học có thể xây dựng gói đãi ngộ cạnh tranh, bao gồm lương, nhà ở và điều kiện làm việc, nhằm thu hút chuyên gia giỏi trong và ngoài nước. Cơ chế "vượt khung" được kỳ vọng giúp Việt Nam tiếp cận đội ngũ tinh hoa, đồng thời tạo điều kiện cho nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài trở về làm việc.

Phân bổ ngân sách theo hiệu quả, chi qua cơ chế quỹ

Về tài chính, Nghị định 265 thay đổi cách phân bổ kinh phí. Các tổ chức khoa học được điều chỉnh tăng hoặc giảm kinh phí trong biên độ 10% tùy theo kết quả hoạt động, qua đó tăng trách nhiệm giải trình và khuyến khích nâng cao chất lượng nghiên cứu.

Đặc biệt, ngân sách nghiên cứu được ưu tiên phân bổ theo cơ chế quỹ thay vì cấp trực tiếp cho từng nhiệm vụ như trước. Hệ thống quỹ như Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ của bộ, ngành, địa phương sẽ đóng vai trò trung tâm trong đặt hàng, tài trợ và cấp phát kinh phí. Cách làm này giúp tăng tính linh hoạt, minh bạch và chủ động trong sử dụng nguồn lực.

Chấp nhận rủi ro, không hình sự hóa thất bại khách quan

Một điểm đột phá khác là chủ trương chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học. Nếu đề tài không đạt mục tiêu do nguyên nhân khách quan và đã thực hiện đúng quy trình, tổ chức chủ trì không phải hoàn trả kinh phí và được miễn trách nhiệm dân sự, hình sự. Nhà nước chuyển từ quản lý nặng về tuân thủ sang quản lý dựa trên rủi ro, thừa nhận rằng thất bại là một phần của sáng tạo.

Tuy nhiên, cơ chế này đi kèm kiểm soát chặt chẽ từ khâu tuyển chọn, giám sát tiến độ và đánh giá kết quả. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ hoặc sử dụng sai kinh phí, tổ chức và cá nhân vẫn bị xử lý và hạn chế tham gia các chương trình tiếp theo.

Nhà khoa học hưởng tối thiểu 30% lợi nhuận thương mại hóa

Lần đầu tiên, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định rõ tỷ lệ phân chia lợi nhuận cho tác giả. Nhà khoa học sử dụng ngân sách nhà nước được hưởng tối thiểu 30% lợi nhuận từ việc cho thuê, chuyển nhượng, khai thác hoặc góp vốn bằng kết quả nghiên cứu. Quy định này tạo động lực mạnh mẽ để đưa kết quả nghiên cứu ra thị trường, thay vì chỉ dừng ở công bố học thuật.

Phần lợi nhuận còn lại được sử dụng để thưởng cho người tham gia thương mại hóa và tái đầu tư cho hoạt động khoa học.

Mở không gian phát triển cho giới nghiên cứu

Tổng thể, các chính sách mới cho thấy nỗ lực chuyển đổi tư duy quản lý khoa học: từ kiểm soát sang trao quyền, từ bình quân sang dựa trên hiệu quả, từ e ngại rủi ro sang chấp nhận sáng tạo có kiểm soát. Nếu được triển khai đồng bộ và nhất quán, đây có thể là cú hích quan trọng giúp nâng cao vị thế của nhà khoa học, thu hút nhân tài và thúc đẩy hình thành những sản phẩm nghiên cứu có giá trị thực tiễn cho nền kinh tế.

P.T (tổng hợp)

Nguồn: Cục Thông tin, Thống kê.